

Số: 21/BC-ĐBCL&TT

Cà Mau, ngày 22 tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO

Khảo sát cán bộ, giảng viên và nhân viên về các hoạt động tại trường Đại học Bạc Liêu năm 2026

Thực hiện kế hoạch số 115/KH-ĐHBL ngày 28/07/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bạc Liêu về việc khảo sát cán bộ, giảng viên và nhân viên về các hoạt động tại Trường Đại học Bạc Liêu năm 2026.

Phòng Đảm bảo chất lượng và Thanh Tra đã phối hợp các đơn vị liên quan hoàn thành khảo sát với kết quả cụ thể như sau:

I. Thông tin chung về hoạt động khảo sát

1. Mục đích khảo sát

Hoạt động khảo sát nhằm thu thập thông tin, ý kiến, kiến nghị, đề xuất từ cán bộ quản lý, chuyên viên và nhân viên về các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng và các dịch vụ hỗ trợ tại Trường đại học Bạc Liêu. Kết quả khảo sát là cơ sở để trường xác định được chất lượng các mặt hoạt động, nhu cầu, nguyện vọng của đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên. Từ đó, Trường có những biện pháp cải tiến góp phần nâng cao chất lượng hoạt động về mọi mặt.

2. Đối tượng và nội dung khảo sát

Đối tượng khảo sát bao gồm tất cả cán bộ, giảng viên và nhân viên (CB, GV và NV) hiện đang công tác tại Trường đại học Bạc Liêu.

Nội dung khảo sát được chia làm 03 lĩnh vực chính bao gồm: ⁽¹⁾ môi trường làm việc, ⁽²⁾ chất lượng các hoạt động của nhà trường và ⁽³⁾ ý kiến khác/đề xuất kiến nghị hoặc những điểm không hài lòng.

3. Phương pháp khảo sát

Khảo sát CB, GV, NV về các hoạt động của trường Đại học Bạc Liêu được thực hiện trực tuyến bằng công cụ Google Form thông qua hệ thống email của Trường. Phiếu khảo sát sử dụng thang đo 5 mức từ “Rất không hài lòng” đến cao “Rất hài lòng”, cụ thể:

1. Rất không hài lòng	2. Không hài lòng	3. Tương đối hài lòng	4. Hài lòng	5. Rất hài lòng
(0-20%)	(21-40%)	(41-60%)	(61-80%)	(81-100%)

II. Kết quả khảo sát

Kết quả khảo sát cho thấy, có tổng số 165 CB, GV và NV đang công tác tại 14 đơn vị thuộc trường đã tham gia khảo sát, đạt tỷ lệ 77,8% trên tổng số viên chức, người lao động (VC, NLĐ) toàn trường. Nhìn chung, hầu hết các đơn vị đã triển khai

thực hiện tốt kế hoạch khảo sát của Nhà trường. Tuy nhiên, vẫn còn đơn vị chưa tích cực tham gia hoạt động khảo sát, với tỷ lệ cho ý kiến phản hồi rất thấp, chỉ đạt hơn 10%.

Stt	Đơn vị	Số lượng CB/GV và NV	Số lượng khảo sát	Tỷ lệ khảo sát
1	Phòng Tổ chức – Hành chính	29	3	10.3
2	Phòng Kế hoạch – Tài chính	7	7	100
3	Phòng Đào tạo và QLSV	9	8	88.9
4	Phòng LKĐT, PTNNL& Tuyển sinh	6	6	100
5	Phòng QLKH và Đối ngoại	6	5	83.3
6	Phòng ĐBCL&TT	7	7	100
7	Phòng KN, ĐMST & Tư vấn việc làm	5	4	80
8	Trung tâm Quản trị hệ thống và TTTV	7	7	100
9	Trung tâm Tin học – Ngoại ngữ	5	5	100
10	Khoa Sư phạm	31	25	80.6
11	Khoa Khoa Học Xã Hội	30	28	93.3
12	Khoa Nông nghiệp và Thủy Sản	27	26	96.3
13	Khoa Kinh tế - Luật	29	23	79.3
14	Khoa Kỹ Thuật Công Nghệ	14	11	78.6
Tổng cộng		212	165	77.8

1. Môi trường làm việc

a. Chế độ, chính sách đãi ngộ

Kết quả khảo sát tại Bảng 2.1 cho thấy, mức độ hài lòng chung của CB, GV và NV đối với chế độ, chính sách đãi ngộ của Nhà trường là tương đối thấp (54,5%), giảm gần 20% so với năm học trước. Trong đó, có khoảng 8% CV, NLĐ không hài lòng với “quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm” và “chính sách lương, thưởng, phúc lợi” của Trường. Ngoài ra, hơn 10% đối tượng khảo sát cũng không hài lòng đối với hoạt động “chăm sóc sức khỏe định kỳ” cho VC, NLĐ.

Bảng 2.1: Kết quả đánh giá về chế độ chính sách đãi ngộ của nhà trường

TT	Tiêu chí	Tỷ lệ đánh giá (%)					
		1	2	3	4	5	4+5
1	Quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại của Nhà trường rõ ràng, công khai và minh bạch	2.4	5.5	34.5	43.0	14.5	57.6
2	Chính sách lương, thưởng, phụ cấp và phúc lợi thể hiện rõ ràng, công khai, minh bạch, phù hợp với năng lực của từng cá nhân	1.8	6.7	31.5	41.8	18.2	60.0
3	Hoạt động chăm sóc sức khỏe được tổ chức định kỳ	1.8	9.1	31.5	41.8	15.8	57.6
4	Chính sách về tăng bậc lương, tăng lương trước hạn và chế độ bảo hiểm được thực hiện đúng quy định	3.0	0.8	18.8	49.7	26.7	76.4
5	Đánh giá chung về Chế độ, chính sách đãi ngộ của Nhà trường	2.4	7.3	35.8	40.6	13.9	54.5

b. Cơ sở vật chất

Nhìn chung, trong bối cảnh công tác cải tạo, nâng cấp, sửa chữa ở cả 2 cơ sở vẫn còn đang trong giai đoạn triển khai, chưa hoàn thiện, nên CB, GV và NV chưa thật sự hài lòng với điều kiện cơ sở vật chất (CSVC) của Trường. Cụ thể, tất cả các tiêu chí khảo sát về CSVC đều có mức độ hài lòng đạt dưới 50%. Trong đó, tiêu chí về “Thư viện, nguồn học liệu” tiếp tục là điểm tồn tại trong những năm gần đây, cần được quan tâm cải tiến.

Bảng 2.2: Kết quả đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Tiêu chí	Tỷ lệ đánh giá (%)					
		1	2	3	4	5	4+5
6	Cơ sở vật chất đáp ứng được yêu cầu công việc của Thầy/Cô	3.6	6.7	41.2	40.6	7.9	48.5
7	Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	3.0	12.1	41.2	37.0	6.7	43.6
8	Hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng tốt cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và làm việc	3.0	13.9	39.4	35.8	7.9	43.6
9	Cơ sở vật chất được hỗ trợ sửa chữa và khắc phục kịp thời khi có sự cố	4.2	9.7	37.0	39.4	9.7	49.1
10	Đánh giá chung về Cơ sở vật chất của Trường	3.0	9.7	41.2	37.0	9.1	46.1

c. Môi trường làm việc tại đơn vị

Bảng 2.3: Kết quả đánh giá về cấp trên trực tiếp

[illegible]

19	Đánh giá chung về Môi trường làm việc tại đơn vị	0.6	1.2	22.4	54.5	21.2	75.8
----	--	-----	-----	------	------	------	-------------

Kết quả khảo sát CB, GV và NV đối với “cấp trên trực tiếp” ghi nhận mức độ hài lòng giảm hơn 5% so với năm học trước. Nhìn chung, đa số CB, GV và NV hài lòng với việc “giao nhiệm vụ và tạo điều kiện hoàn thành nhiệm vụ” của cấp trên. Tuy nhiên, mức độ hài lòng đối với sự “cầu thị, lắng nghe” của quản lý đơn vị là chưa thật sự cao, chỉ đạt 66.7%.

Tương tự, so với năm học trước, kết quả khảo sát cũng cho thấy có sự sụt giảm mức độ hài lòng của CB, GV và NV đối với “đồng nghiệp tại đơn vị”. Cụ thể, dữ liệu tổng hợp tại Bảng 2.3 cho thấy, trên 75% VC, NLĐ đánh giá cao “tác phong, sự thân thiện và hỗ trợ trong công việc” của đồng nghiệp. Ngoài ra, đa số CB, GV và NV cũng cho rằng đồng nghiệp “sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng” và bản thân họ “học hỏi được nhiều” từ đồng nghiệp.

Đánh giá chung cho thấy, đa số VC, NLĐ hài lòng đối với “môi trường làm việc” tại đơn vị. Tuy nhiên, đối với những ghi nhận cụ thể về xu hướng giảm mức độ hài lòng của CB, GV và NV đối với “cấp trên trực tiếp” và “đồng nghiệp” trong kỳ khảo sát này, Nhà trường cần có những giải pháp phù hợp để cải tiến hơn nữa chất lượng “môi trường làm việc”, qua đó tăng tính cam kết và nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động của đơn vị.

d. Cơ hội đào tạo và thăng tiến

Tương tự kết quả khảo sát về “môi trường làm việc”, mức độ hài lòng của VC, NLĐ đối với nội dung này giảm nhẹ so với năm học trước. Nhìn chung, mức độ hài lòng của CB, GV và NV đối với “cơ hội đào tạo, bồi dưỡng và thăng tiến” tại Nhà trường ở mức khá, với tỷ lệ đánh giá chung đạt 65,5%. Tuy nhiên, tiêu chí về “cơ hội thăng tiến công bằng cho mọi thành viên” có tỷ lệ không hài lòng khá cao (gần 10%) là vấn đề cần được quan tâm cải tiến.

Bảng 2.4: Kết quả đánh giá về cơ hội đào tạo và thăng tiến

TT	Tiêu chí	Tỷ lệ đánh giá (%)					
		1	2	3	4	5	4+5
20	Nhà trường chú trọng đến công tác đào tạo và bồi dưỡng	1.2	4.8	28.5	47.9	17.6	65.5
21	Thầy/Cô được tạo điều kiện tham gia đào tạo/bồi dưỡng nâng cao năng lực trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ	1.8	6.7	23.0	49.7	18.8	68.5
22	Vị trí việc làm hiện tại giúp Thầy/Cô phát triển chuyên môn	1.8	3.0	25.5	49.7	20.0	69.7
23	Cơ hội thăng tiến công bằng cho mọi thành viên	1.2	8.5	26.1	49.1	15.2	64.2
24	Đánh giá chung về Cơ hội đào tạo và thăng tiến	1.2	4.8	28.5	50.3	15.2	65.5

e. Hỗ trợ của các đơn vị hành chính trong trường

Kết quả khảo sát cho thấy các đơn vị thuộc Trường cơ bản thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao và nhận được sự đánh giá tích cực của VC, NLĐ, với tỷ lệ

hài lòng chung đạt khoảng 70%. Tuy nhiên, sự chênh lệch về mức độ đánh giá giữa các đơn vị cho thấy chất lượng phục vụ và hiệu quả phối hợp chưa hoàn toàn đồng đều. Đặc biệt, một số đơn vị có tỷ lệ đánh giá tích cực rất thấp (dưới 60%), cần được phân tích nguyên nhân và có giải pháp cải tiến phù hợp.

Bảng 2.5: Kết quả đánh giá về hỗ trợ của các đơn vị hành chính trong trường

TT	Tiêu chí	Tỷ lệ đánh giá (%)					
		1	2	3	4	5	4+5
25	Phòng Quản lý đào tạo và công tác sinh viên	1.2	1.8	25.5	53.3	18.2	71.5
26	Phòng Tổ chức Hành chính	1.2	3.0	29.1	47.3	19.4	66.7
27	Phòng Kế hoạch và tài chính	2.4	3.6	36.4	40.6	17.0	57.6
28	Phòng QLKH và quan hệ đối ngoại	2.4	2.4	31.5	46.1	17.6	63.6
29	Phòng Đảm bảo chất lượng và thanh tra	1.8	1.2	27.9	49.7	19.4	69.1
30	Phòng LKĐT, PTNNL và tuyển sinh	1.2	4.2	26.1	50.9	17.6	68.5
31	Phòng KN, ĐMST và tư vấn VL	1.2	1.8	30.9	48.5	17.6	66.1
32	Trung tâm Quản trị HTTT và TV	1.2	4.2	26.1	50.9	17.6	68.5
33	Văn phòng khoa	1.2	0.0	20.6	46.7	31.5	78.2
34	Đánh giá chung	1.2	1.8	27.9	49.1	20.0	69.1

2. Chất lượng các hoạt động của nhà trường

a. Chiến lược phát triển của nhà trường

Mức độ hài lòng của đội ngũ CB, GV và NV đối với “chiến lược phát triển” của Nhà trường nhìn chung còn thấp, với tỷ lệ hài lòng chung chưa đến 65%. Kết quả này phần nào phản ánh việc chậm trễ trong việc tổng kết đánh giá kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021-2025 và xây dựng, ban hành chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030 của Nhà trường.

Bảng 2.6: Kết quả đánh giá về chiến lược phát triển nhà trường

TT	Tiêu chí	Tỷ lệ đánh giá (%)					
		1	2	3	4	5	4+5
35	Tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục, giá trị cốt lõi của nhà trường được xây dựng, phổ biến, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của Thầy/Cô	1.8	3.6	31.5	47.9	15.2	63.0
36	Tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi được chuyển tải thành các kế hoạch hành động để thực hiện	1.2	5.5	30.3	49.1	13.9	63.0
37	Tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục, giá trị cốt lõi được cải tiến định kỳ trong quá trình phát triển của Nhà trường	1.8	6.1	27.9	49.1	15.2	64.2
38	Đánh giá chung về chiến lược phát triển của nhà trường	1.2	4.8	29.7	49.7	14.5	64.2

b. Chất lượng hoạt động đào tạo (dành cho giảng viên)

Kết quả khảo sát cho thấy, mức độ hài lòng của GV đối với “hoạt động đào tạo” tại Trường là tương đương với năm học trước. Nhìn chung, đội ngũ GV đánh giá khá tích cực đối với công tác tuyển sinh và tổ chức hoạt động đào tạo (ĐT) của Nhà

trường. Ngoài ra, việc xác lập, giám sát các chỉ số về kết quả ĐT để phục vụ đối sánh và cải tiến chất lượng cũng nhận được sự hài lòng của đa số GV trong Trường.

Bảng 2.7: Kết quả đánh giá về chất lượng hoạt động đào tạo

TT	Tiêu chí	Tỷ lệ đánh giá (%)					
		1	2	3	4	5	4+5
39	Công tác tuyển sinh của Nhà trường được liên tục cải tiến và triển khai hiệu quả	1.3	7.2	25.7	51.3	14.5	65.8
40	Hoạt động thiết kế, rà soát các chương trình đào tạo được triển khai chặt chẽ, khoa học, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan	0.7	3.3	31.6	52.0	12.5	64.5
41	Hoạt động dạy học được tổ chức khoa học, hiệu quả, phù hợp với triết lý giáo dục của Nhà trường	0.7	2.6	30.3	53.3	13.2	66.4
42	Các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả người học cụ thể, rõ ràng và phù hợp	0.7	3.3	30.3	52.6	13.2	65.8
43	Các kết quả đào tạo bao gồm tỷ lệ tốt nghiệp, chất lượng của người học, tỷ lệ có việc làm...được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng đào tạo của Nhà trường	0.7	4.6	28.3	51.3	15.1	66.4
44	Đánh giá chung về chất lượng hoạt động đào tạo	0.7	2.0	30.9	52.6	13.8	66.4

c. Chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH)

Bảng 2.8: Kết quả đánh giá về chất lượng hoạt động NCKH

TT	Tiêu chí	Tỷ lệ đánh giá (%)					
		1	2	3	4	5	4+5
45	Chính sách về NCKH của trường đầy đủ, rõ ràng, đáp ứng được nhu cầu của thầy cô	2.4	7.3	36.4	41.2	12.7	53.9
46	Thầy cô được giúp đỡ, hỗ trợ triển khai các đề tài NCKH và đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ, xuất bản	2.4	6.7	38.8	38.8	13.3	52.1
47	Xét duyệt và nghiệm thu đề tài NCKH công bằng, khách quan	3.0	9.1	37.6	37.0	13.3	50.3
48	Thầy cô được tạo điều kiện kết nối với các đơn vị về các đề tài NCKH	1.8	8.5	37.6	38.2	13.9	52.1
49	Đánh giá chung về chất lượng hoạt động NCKH	1.2	7.3	39.4	40.0	12.1	52.1

Kết quả khảo sát cho thấy, chỉ hơn 50% VC, NLD đánh giá tích cực đối với chất lượng hoạt động NCKH, giảm hơn 10% so với kỳ khảo sát trước. Trong đó, có khoảng 12% đối tượng khảo sát không hài lòng với khâu “xét duyệt và nghiệm thu đề tài” trong thời gian qua. Ngoài ra, vẫn còn nhiều CB, GV và NV chưa hài lòng đối với chính sách và hoạt động hỗ trợ NCKH của Nhà trường.

d. Chất lượng hoạt động phục vụ cộng đồng (PVCĐ)

Tương tự như chất lượng hoạt động NCKH, mức độ hài lòng của VC, NLĐ đối với chất lượng hoạt động PVCĐ cũng giảm so với năm học trước. Cụ thể, chỉ khoảng 60% đối tượng khảo sát thực sự hài lòng với chính sách và hiệu quả, tác động của hoạt động PVCĐ thời gian qua. Nhìn chung, hoạt động PVCĐ trong thời gian tới cần chuyển mạnh từ hoạt động mang tính phong trào sang hoạt động có mục tiêu, có sản phẩm, có chỉ số đo lường và đánh giá tác động cụ thể.

Bảng 2.9: Kết quả đánh giá về chất lượng hoạt động PVCĐ

TT	Tiêu chí	Tỷ lệ đánh giá (%)					
		1	2	3	4	5	4+5
50	Các chính sách, hướng dẫn liên quan đến hoạt động phục vụ cộng đồng được xây dựng, triển khai và định kỳ rà soát, cải tiến	1.2	5.5	34.5	44.8	13.9	58.8
51	Các hoạt động thiện nguyện, tình nguyện với nhiều loại hình khác nhau được thực hiện thường xuyên	1.2	4.2	31.5	48.5	14.5	63.0
52	Các hoạt động kết nối doanh nghiệp, chuyển giao khoa học công nghệ phục vụ cộng đồng thường xuyên được tổ chức	1.2	4.2	35.2	46.7	12.7	59.4
53	Kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng giúp ích cho sự phát triển của nhà trường và xã hội	1.2	4.8	34.5	44.2	15.2	59.4
54	Đánh giá chung về chất lượng PVCĐ	1.2	3.0	36.4	44.8	14.5	59.4

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Chất lượng hoạt động của Trường Đại học Bạc Liêu năm 2026 cơ bản đáp ứng yêu cầu và nhận được sự đồng thuận của đội ngũ, thể hiện qua tỷ lệ hài lòng chung đạt trên 60%. Kết quả này phản ánh những nỗ lực của Nhà trường trong việc nâng cao chất lượng ĐT, NCKH, PVCĐ, công tác quản trị và các hoạt động hỗ trợ người học. Tuy nhiên, với việc mức độ hài lòng ở hầu hết các tiêu chí đánh giá đều giảm so với kỳ khảo sát năm 2025, Nhà trường cần tiếp tục sử dụng kết quả khảo sát làm căn cứ rà soát, cải tiến nhằm đáp ứng sự hài lòng của CB, GV và NV, đồng thời nâng cao chất lượng các mặt hoạt động trong thời gian tới.

Tiêu chí	Tỷ lệ đánh giá (%)					
	1	2	3	4	5	4+5
Thầy, Cô đánh giá chung về chất lượng các hoạt động của trường Đại học Bạc Liêu năm 2026 như thế nào?	1.2	4.2	33.3	47.3	13.9	61.2

3. Ý kiến khác/ đề xuất, kiến nghị hoặc những điểm không hài lòng

Bên cạnh việc thu thập thông tin về ý kiến của CB, GV và NV đối với một số lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, khảo sát còn tạo điều kiện để VC, NLĐ phản ánh tâm tư, nguyện vọng và đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện môi trường làm việc và

nâng cao chất lượng các mặt hoạt động của Nhà trường. Kết quả, trong tổng số 165 CB, GV và NV tham gia khảo sát, chỉ có 10 ý kiến được ghi nhận, chiếm 6,06%. Nội dung ý kiến tập trung chủ yếu vào CSVC (02 ý kiến), NCKH (02 ý kiến) và các quy định hiện hành của Nhà trường (05 ý kiến). Nhìn chung đội ngũ VC, NLĐ còn e ngại, chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến cho sự phát triển chung của đơn vị.

III. Kết luận

Hoạt động khảo sát CB, GV và NV về các hoạt động tại Trường Đại học Bạc Liêu năm 2026 đạt tỷ lệ tham gia khảo sát tương đối cao. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng của VC, NLĐ đối với chất lượng các mặt hoạt động của Nhà trường giảm so với năm học trước. Ngoài ra, đa phần CB, GV và NV chưa mạnh dạn trong việc đề xuất, kiến nghị, nêu lên ý kiến cá nhân.

IV. Kiến nghị

1. Đối với nhà trường

- Nhà trường cần khẩn trương hoàn thiện, ban hành và tổ chức triển khai Chiến lược phát triển giai đoạn 2026–2030; cụ thể hóa tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi thành các mục tiêu, kế hoạch hành động và chỉ số thực hiện; tăng cường phổ biến, tạo sự đồng thuận trong toàn Trường.

- Đẩy nhanh tiến độ cải tạo, nâng cấp CSVC tại các cơ sở; ưu tiên đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, thư viện và nguồn học liệu; nâng cao hiệu quả công tác bảo trì, sửa chữa và khắc phục kịp thời các sự cố phục vụ hoạt động của Nhà trường.

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng gắn với vị trí việc làm và nhu cầu phát triển đội ngũ; thực hiện công khai, minh bạch các tiêu chí, quy trình và cơ hội thăng tiến, bảo đảm tính công bằng.

- Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ và quy trình phối hợp giữa các đơn vị; cải tiến chất lượng phục vụ, bảo đảm tính thống nhất, kịp thời và hiệu quả trong giải quyết công việc, đặc biệt đối với các đơn vị có mức độ hài lòng thấp.

- Đối với hoạt động NCKH, cần triển khai soát, hoàn thiện chính sách hỗ trợ NCKH; cải tiến quy trình xét duyệt, nghiệm thu đề tài theo hướng công khai, minh bạch, khách quan; tăng cường hỗ trợ CB, GV và NV trong triển khai đề tài, công bố khoa học, sở hữu trí tuệ và kết nối hợp tác nghiên cứu.

- Đối với hoạt động PVCD, xây dựng kế hoạch triển khai theo hướng có mục tiêu, sản phẩm, chỉ số đo lường và đánh giá tác động cụ thể; tăng cường kết nối doanh nghiệp, chuyển giao khoa học công nghệ và các hoạt động PVCD gắn với chức năng, thể mạnh của Nhà trường.

2. Đối với các đơn vị trong trường

- Căn cứ kết quả khảo sát và chức năng nhiệm vụ của mình, các đơn vị chủ động xác định những nội dung có mức độ hài lòng thấp hoặc có xu hướng giảm, phân tích nguyên nhân và đề ra giải pháp cải tiến phù hợp.

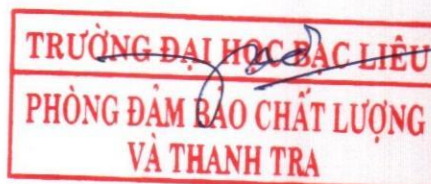
- Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, khoa học, tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong đơn vị; đồng thời rà soát, cải tiến quy trình xử lý công việc, thời gian giải quyết, trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân, đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu của các bên liên quan.

- Ngoài ra, các đơn vị cần đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến về mục đích, ý nghĩa của hoạt động khảo sát này để cho CB, GV và NV hiểu, tích cực tham gia, đưa ra ý kiến khách quan nhất về các hoạt động của Nhà trường.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Trường;
- Các đơn vị thuộc trường;
- Lưu: VT, Phòng ĐBCL&TT.

TRƯỞNG PHÒNG



Hồ Hữu Tường